

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 3 trang)

THI THỬ TN THPT - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: HÓA HỌC - THPT***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 18/08/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: H.TN.025**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Tinh bột và cellulose khác nhau chủ yếu ở

- A. kiểu liên kết giữa các mắt xích glucose
B. công thức của mắt xích
C. khối lượng của một mắt xích
D. sản phẩm cuối cùng khi thủy phân

Câu 2. Công thức chung của dãy đồng đẳng alkene là

- A. C_nH_{2n}
B. C_nH_{2n+2}
C. C_nH_{2n-2}
D. C_nH_{2n-6}

Câu 3. Hợp kim nào sau đây được dùng để làm đồ trang sức?

- A. vàng 18 K
B. thép
C. đồng thau
D. đồng thanh

Câu 4. Đốt đồng (Cu) trong khí Cl_2 dư thu được sản phẩm là

- A. $CuCl_3$
B. $CuCl$
C. $CuCl_2$
D. CuO

Câu 5. Thủy phân hoàn toàn một mol peptide Ala–Gly–Gly cần bao nhiêu mol nước và thu được bao nhiêu mol amino acid?

- A. 3 mol nước và 3 mol amino acid
B. 3 mol nước và 2 mol amino acid
C. 2 mol nước và 2 mol amino acid
D. 2 mol nước và 3 mol amino acid

Câu 6. Sản phẩm của pin nhiên liệu hydrogen là

- A. sulfur dioxide
B. nước
C. carbon dioxide
D. khí ammonia

Câu 7. Thủy phân hoàn toàn một phân tử saccharose thu được

- A. Một phân tử glucose và một phân tử galactose
B. Nhiều phân tử glucose
C. Hai phân tử glucose
D. Một phân tử glucose và một phân tử fructose

Câu 8. Liên kết giữa nguyên tử trung tâm và phối tử là liên kết

- A. ion
B. hydrogen
C. cho – nhận
D. kim loại

Câu 9. Đun nóng dung dịch NH_4NO_3 với dung dịch NaOH. Hiện tượng quan sát được là

- A. không có hiện tượng gì
B. có khí mùi khai thoát ra, làm quỳ tím ẩm hoá xanh
C. có kết tủa trắng xuất hiện, không có khí thoát ra
D. có khí mùi khai thoát ra, làm quỳ tím ẩm hoá đỏ

Câu 10. Kim loại nào sau đây cứng nhất trong tất cả các kim loại?

- A. kẽm
B. sắt
C. chromium
D. đồng

Câu 11. Cho dung dịch NaOH tác dụng với Zn. Sản phẩm thu được là

- A. NaCl và H₂O B. Na₂SO₄ và H₂O C. Na₂ZnO₂ và khí H₂ D. Na₂CO₃ và H₂O

Câu 12. Muối nào sau đây được dùng để sản xuất thủy tinh?

- A. NaCl B. NaNO₃ C. NaHCO₃ D. Na₂CO₃

Câu 13. Thủy phân hoàn toàn 30,6 g methyl butanoate ($M = 102$) trong dung dịch NaOH vừa đủ. Khối lượng sodium butanoate (C₃H₇COONa, $M = 110$) thu được là

- A. 33 g B. 26,4 g C. 9,6 g D. 30,6 g

Câu 14. Trong phản ứng $\text{Fe}^{3+} + 6\text{CN}^- \rightarrow [\text{Fe}(\text{CN})_6]^{3-}$, tiểu phân nào **cho** cặp electron?

- A. H⁺ B. CN⁻ C. Fe³⁺ D. BF₃

Câu 15. Thủy phân 32,4 g tinh bột thành glucose rồi lên men toàn bộ glucose thành ethanol, hiệu suất chung của cả quá trình là 80%. Khối lượng ethanol ($M = 46$) thu được là (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 28,8 g B. 7,4 g C. 0,3 g D. 14,7 g

Câu 16. Cần cân bao nhiêu gam CuSO₄ · 5H₂O ($M = 250$) để có 0,17 mol ion Cu²⁺?

- A. 10,9 gam B. 42,5 gam C. 0,2 gam D. 27,2 gam

Câu 17. Nung 95,2 gam CoCl₂ · 6H₂O đến khối lượng không đổi. Khối lượng muối khan thu được là

- A. 52 gam B. 8,7 gam C. 43,2 gam D. 95,2 gam

Câu 18. Ester có mùi thơm nhẹ, thường dùng làm dung môi là

- A. methyl butanoate B. ethyl butanoate C. ethyl acetate D. isoamyl acetate

PHẦN II. ĐÚNG/SAI

Câu 19. Điện phân nóng chảy hoàn toàn 66,6 g CaCl₂ ($M = 111$); xét thêm phản ứng điện phân nóng chảy MgCl₂.

- a) Trong bình điện phân, cathode mang dấu dương.
b) Điện phân là quá trình biến điện năng thành hoá năng.
c) Khối lượng Ca thu được bằng 24 g.
d) Thể tích khí Cl₂ thoát ra ở anode bằng 14,9 L.

Câu 20. Điện phân dung dịch muối của Cr ($A = 52$, $n = 3$) với cường độ 5 A trong 4825 giây; cho $F = 96\,500$ C/mol. Xét thêm kim loại Al.

- a) Số electron trao đổi ứng với một nguyên tử Al bằng 1.
b) Số mol electron trao đổi bằng 0,25 mol.
c) Khối lượng Cr bám vào cathode bằng 4,3 g.
d) Với cùng một điện lượng, kim loại có số electron trao đổi càng lớn thì số mol kim loại thu được càng nhỏ.

Câu 21. Cho HCl có $M = 36.5$ và sôi ở -85°C , HBr có $M = 81$ và sôi ở -67°C .

- a) Trong phân tử hydrogen halide, cặp electron chung lệch về phía nguyên tử halogen.
b) Hai chất chênh nhau 152°C về nhiệt độ sôi.
c) HF có nhiệt độ sôi cao nhất dãy vì khối lượng phân tử của nó lớn nhất.
d) Các hydrogen halide hầu như không tan trong nước.

Câu 22. Một mẫu nhựa bakelite chứa 0,1 mol mắt xích (mắt xích $M = 106$); xét thêm polymer poly(propylene).

- a) Polymer poly(propylene) được dùng để làm hộp đựng thức ăn và thùng nhựa.
- b) Mắt xích của nhựa bakelite có 9 nguyên tử carbon.
- c) Polymer poly(propylene) có tính chất nổi bật là bền và chịu nhiệt tốt hơn PE.
- d) Teflon được dùng làm lớp chống dính của chảo vì nó trong suốt và truyền sáng tốt.

PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23. Trùng hợp 12,6 g propylene với hiệu suất 90%. Tính khối lượng poly(propylene) thu được, theo gam.

Câu 24. Đun nóng 15 mol formaldehyde (HCHO) với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong môi trường kiềm. Tính số mol Cu_2O tạo thành.

Câu 25. Một mẫu cao su thiên nhiên chứa 0,5 mol mắt xích (mắt xích $M = 68$). Tính khối lượng mẫu, theo gam.

Câu 26. Cho 72 g glucose phản ứng hết với nước bromine. Tính số mol Br_2 phản ứng.

Câu 27. Giá trị pH đẳng điện của aspartic acid bằng bao nhiêu?

Câu 28. Ion trung tâm trong phân tử hemoglobin mang điện tích mấy cộng?